

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam về ban hành Đề án cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2026;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 153/TTr-LĐT BXH ngày 07/10/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2026.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và các địa phương triển khai thực hiện Đề án đạt mục tiêu đề ra; tổ chức thông tin, truyền truyền, kiểm tra, giám sát hướng dẫn các địa phương thực hiện, định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, Hội, đoàn thể liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ LĐTBXH;
- BTVTU, TT HĐND, TT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở, Ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KTN, KGVX (Tiền).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Tuấn



KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

I. Mục tiêu

1. Đối với nghĩa trang liệt sĩ

- Xây mới: 08 tượng đài; 32 nhà bia ghi tên liệt sĩ; 06 cổng ngõ (chi tiết theo phụ lục I).

- Cải tạo, nâng cấp: 20.435 mộ; 16 tượng đài, 03 nhà bia/bia ghi tên liệt sĩ, 04 cổng ngõ, 24 tường rào, 36 sân hành lễ, 11 sân nền, lối đi nội bộ (chi tiết theo phụ lục II).

2. Đối với nhà bia ghi tên liệt sĩ ngoài nghĩa trang liệt sĩ

- Xây mới: 01 nhà bia ghi tên liệt sĩ tại xã Điện Thắng Trung, thị xã Điện Bàn (nhà bia; cổng ngõ; tường rào; sân hành lễ; sân nền, lối đi nội bộ).

- Cải tạo, nâng cấp các hạng mục của 10 nhà bia ghi tên liệt sĩ, gồm: 02 cổng ngõ; 05 tường rào; 08 sân hành lễ; 04 sân nền, lối đi nội bộ.

(chi tiết theo phụ lục III)

II. Quy mô xây dựng

1. Đối với nghĩa trang liệt sĩ

- Nghĩa trang liệt sĩ được xây dựng phải đạt tiêu chuẩn bền đẹp, có tính nghệ thuật kết hợp hài hòa văn hóa hiện đại với tâm linh, tạo vẻ trang nghiêm, đồng bộ các hạng mục công trình, quy mô hợp lý, thể hiện công trình văn hóa, chính trị, lịch sử.

- Xây dựng mộ liệt sĩ trong cùng nghĩa trang liệt sĩ phải thống nhất về kích thước, quy cách, màu sắc: Vỏ mộ được xây bằng vật liệu bền, đẹp, đảm bảo gìn giữ lâu dài; thân mộ áp đá granite; bia mộ bằng đá non nước và ghi đầy đủ thông tin theo quy định; bát hương và bình hoa bằng đá non nước; đối với những mộ liệt sĩ chưa có đủ các thông tin thì bia mộ chỉ ghi thông tin đã rõ vào dòng tương ứng; trường hợp không có thông tin thì trên bia mộ ghi “Mộ liệt sĩ chưa xác định được thông tin”; mộ liệt sĩ sau khi di chuyển hài cốt phải sửa chữa lại vỏ mộ, trên bia mộ ghi “Hài cốt liệt sĩ đã di chuyển”. Không xây mới mộ không có hài cốt trong nghĩa trang liệt sĩ. Trường hợp các địa phương đã xây mộ không có hài cốt thì khi lập danh sách ghi “Mộ liệt sĩ không có hài cốt” (Quy định tại khoản 1, 2 Điều 13 Thông tư liên tịch số 13/2004/TTLT – BLĐTBXH - BTC ngày 03/6/2014).

- Tượng đài phải đỡ trụ dầm bê tông cốt thép, mô hình tượng đài có tính nghệ thuật cao.

- Nhà bia ghi tên liệt sĩ quy mô về diện tích phù hợp, cấu trúc trụ dầm bê tông cốt thép, mái đỡ bê tông, lợp ngói.

- Sân hành lễ thiết kế đỡ bê tông nền sân bằng đá 1x2 M200, dày 10cm; lát đá Granite màu.

- Nền sân, lõi đi nội bộ bê tông đá 1x2 M200, dày 10cm.

- Cổng ngõ phải đỡ trụ bê tông kết hợp xây gạch, ốp đá tự nhiên, tạo sự trang nghiêm, vững chắc. Tường rào nghĩa trang liệt sĩ phải đảm bảo chắc chắn chịu được lũ lụt.

- Công trình hoa viên, cây cảnh; hệ thống nước tưới, điện chiếu sáng phải có độ hài hòa, hợp lý và bền, đẹp.

2. Đối với nhà bia ghi tên liệt sĩ ngoài nghĩa trang liệt sĩ

Xây mới, cải tạo, nâng cấp nhà bia ghi tên liệt sĩ ngoài nghĩa trang liệt sĩ phải đáp ứng nhu cầu tôn vinh, thăm viếng liệt sĩ của nhân dân, giáo dục truyền thống cách mạng; các nhà bia ghi tên liệt sĩ phải phản ánh đầy đủ họ tên, năm sinh, quê quán và năm hi sinh của liệt sĩ có quê quán tại địa phương đó nhưng không có mộ an táng trong nghĩa trang liệt sĩ...

III. Định mức kinh phí

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ và Điều 11 Thông tư số 101/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính.

1. Đối với các hạng mục trong nghĩa trang liệt sĩ

a) Cải tạo, nâng cấp mộ liệt sĩ bao gồm cả nhà bia ghi tên liệt sĩ: 7.000.000 đồng/mộ.

b) Tượng đài liệt sĩ:

- Xây mới 1.155.000.000 đồng/tượng đài (*xây mới tượng đài với 105m² nền; móng, trụ cột BTCT M250 đá 1x2 kết hợp hệ dầm giằng móng bằng bê tông M250 đá 1x2; tường xây gạch không nung VXM M75; thân tượng đài ốp đá Granite màu trắng; tường, cột hoàn thiện lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ đá bả. Gia công lắp dựng chữ Alu màu đồng*).

- Cải tạo, nâng cấp: tính theo thực tế phần nâng cấp nhưng không quá 70% định mức hỗ trợ xây mới (808.500.000 đồng/tượng đài).

c) Nhà bia ghi tên liệt sĩ:

- Xây mới 460.000.000 đồng/nhà bia (*Xây mới nhà bia ghi tên liệt sĩ với 40m² nền; móng, trụ cột BTCT M250 đá 1x2 kết hợp hệ dầm giằng móng bằng bê tông M250 đá 1x2; tường xây gạch không nung VXM M75; dầm, giằng, sàn và sênô BTCT M250 đá 1x2; mái dán ngói mũ hài 85 viên/m²; tường, cột hoàn*

thiện lẫn sơn 01 nước lót 02 nước phủ đá bả. Gia công lắp dựng tấm bia ghi tên bằng đá Granite màu có khắc chữ).

- Cải tạo, nâng cấp: Tính theo thực tế phần nâng cấp nhưng không quá 70% định mức hỗ trợ xây mới (322.000.000 đồng/nhà bia).

d) Cổng ngõ:

- Xây mới: 300.000.000 đồng/cổng ngõ.

- Cải tạo, nâng cấp: tính theo thực tế phần nâng cấp nhưng không quá 70% định mức hỗ trợ xây mới (210.000.000 đồng/cổng ngõ).

đ) Xây dựng tường rào: 2.500.000 đồng/md (*móng trụ BTCT đá 1x2 M200; móng tường BT đá 2x4 M150; giằng móng và giằng tường rào BTCT đá 1x2 M200; tường xây gạch ống không nung VXM M75; trụ BTCT đá 1x2 M200; toàn bộ tường rào được hoàn thiện sơn 1 nước lót 2 nước sơn không bả).*

e) Bê tông sân nền, lõi đi nội bộ: 400.000 đồng/m² (*chỉnh trang, dọn vệ sinh nền sân, rải giấy dầu, đổ bê tông nền sân bằng đá 1x2 M200, dày 10cm).*

f) Sân hành lễ: 870.000 đồng/m² (*chỉnh trang, dọn vệ sinh nền sân, rải giấy dầu, đổ bê tông nền sân bằng đá 1x2 M200, dày 10cm; lát đá Granite màu).*

2. Đối với các hạng mục nhà bia ghi tên liệt sĩ ngoài nghĩa trang liệt sĩ

a) Xây mới: 1.400.000.000 đồng/nhà bia (trong đó bao gồm: Nhà bia ghi tên liệt sĩ: 700.000.000 đồng; cổng ngõ: 200.000.000 đồng; tường rào: 200.000.000 đồng; sân hành lễ: 100.000.000 đồng; sân nền, lõi đi nội bộ: 200.000.000 đồng).

Xây dựng mới bia ghi tên liệt sĩ với 60m² nền: móng, trụ cột BTCT M250 đá 1x2 kết hợp hệ dầm giằng móng bằng bê tông M250 đá 1x2; tường xây gạch không nung VXM M75; dầm, giằng, sàn và sênô BTCT M250 đá 1x2; mái dãn ngói mũ hài 85 viên/m²; tường, cột hoàn thiện lẫn sơn 01 nước lót 02 nước phủ đá bả, gia công lắp dựng tấm bia ghi tên liệt sĩ bằng đá Granite màu có khắc chữ;

Xây dựng tường rào: móng trụ BTCT đá 1x2 M200; móng tường BT đá 2x4 M150; giằng móng và giằng tường rào BTCT đá 1x2 M200; tường xây gạch ống không nung VXM M75; trụ BTCT đá 1x2 M200; toàn bộ tường rào được hoàn thiện sơn 1 nước lót 2 nước sơn.

Bê tông sân nền, lõi đi nội bộ: chỉnh trang, dọn vệ sinh nền sân, rải giấy dầu, đổ bê tông nền sân bằng đá 1x2 M200, dày 10cm.

Sân hành lễ: chỉnh trang, dọn vệ sinh nền sân, rải giấy dầu, đổ bê tông nền sân bằng đá 1x2 M200, dày 10cm; lát đá Granite màu.

b) Cải tạo, nâng cấp: 980.000.000 đồng/nhà bia (trong đó bao gồm: Nhà bia ghi tên liệt sĩ: 490.000.000 đồng; cổng ngõ: 140.000.000 đồng; tường rào: 140.000.000 đồng; sân hành lễ: 70.000.000 đồng; nền sân, lõi đi nội bộ: 140.000.000 đồng).

3. Định mức quy định tại khoản 1 và 2 Mục III Quyết định này là mức hỗ trợ tối đa, việc xem xét mức hỗ trợ cụ thể sẽ được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm đầu tư các hạng mục công trình.

IV. Kinh phí thực hiện

1. Tổng vốn đầu tư: 203.946.056.000 đồng; trong đó:

a) Kinh phí cải tạo, nâng cấp mộ liệt sĩ bao gồm cả bia ghi tên liệt sĩ: 143.045.000.000 đồng;

b) Kinh phí xây mới, cải tạo, nâng cấp: Tượng đài; nhà bia; cổng ngõ; tường rào; sân hành lễ; sân nền, lối đi nội bộ: 60.901.056.000 đồng.

2. Nguồn vốn thực hiện

a) Ngân sách Trung ương, tỉnh và thành phố Đà Nẵng hỗ trợ (gọi chung là ngân sách tỉnh): 192.342.958.000 đồng.

b) Ngân sách huyện: 11.603.098.000 đồng.

3. Cơ cấu nguồn ngân sách: Ngân sách tỉnh hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí theo định mức đối với các huyện, thị xã, thành phố không tự cân đối ngân sách.

b) Hỗ trợ tối đa 85% kinh phí theo định mức đối với các huyện, thị xã, thành phố tự cân đối ngân sách gồm: Núi Thành, Tam Kỳ, Hội An và Điện Bàn.

4. Phân kỳ đầu tư

a) Năm 2022: 45.840.960.000 đồng.

b) Năm 2023: 47.246.640.000 đồng.

c) Năm 2024: 43.100.470.000 đồng.

d) Năm 2025: 38.010.406.000 đồng.

e) Năm 2026: 29.747.580.000 đồng.

(chi tiết theo phụ lục IV)

V. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1.1. Chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn chi tiết triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

1.2. Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về nguồn ngân sách hỗ trợ từ Trung ương, thành phố Đà Nẵng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và tham mưu phân bổ thực hiện Đề án trong dự toán kế hoạch nguồn đầu tư hằng năm.

1.3. Xây dựng, tổng hợp kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện Đề án hằng năm, 5 năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp vào kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước để trình Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án.

1.4. Tổ chức thông tin, truyền truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Đề án; định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Đề án và những vấn đề phát sinh cần giải quyết.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí hằng năm để thực hiện Đề án.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Đề án theo quy định.

4. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và các địa phương thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp

5.1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện công tác “Đền ơn, đáp nghĩa”; tham gia giám sát tình hình thực hiện Đề án.

5.2. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp huy động, đóng góp Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa và Bảo trợ trẻ em”, góp phần huy động nguồn lực thực hiện Đề án.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương và cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền Đề án.

7. Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam, Báo Quảng Nam, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có chuyên mục tuyên truyền sâu rộng về truyền thống đấu tranh cách mạng của quân và dân ta, về sự hi sinh to lớn của các Anh hùng liệt sĩ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Qua đó giáo dục, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong việc thực hiện chính sách thương binh, liệt sĩ và người có công, từng bước xã hội hoá công tác “Đền ơn đáp nghĩa”.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

8.1. Chỉ đạo các cơ quan chức năng của huyện, thị xã, thành phố tăng cường tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác “Đền ơn, đáp nghĩa” thông qua các hội nghị, họp giao ban, các phương tiện thông tin đại chúng.

8.2. Định kỳ hằng năm trên cơ sở kinh phí bố trí theo Đề án được phê duyệt, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định việc giao cho cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện công tác quản lý đầu tư, xây dựng các công trình, hạng mục thuộc Đề án.

8.3. Chỉ đạo phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng, ban liên quan và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, xây dựng kế hoạch xây mới, sửa chữa nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ của địa phương; chủ động huy động các nguồn lực khác để thực hiện Đề án đạt mục tiêu đề ra. Đẩy mạnh huy động Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” tại huyện, thị xã, thành phố để đảm bảo hàng năm bố trí cho công tác tu sửa, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

9.1. Chịu trách nhiệm bố trí kinh phí và huy động nguồn lực xã hội hóa thực hiện các hạng mục điện, nước tưới, cây xanh.

9.2. Chịu trách nhiệm xây dựng Nghị quyết phân công trách nhiệm cho các cơ quan, tổ chức đoàn thể tại địa phương thường xuyên chăm sóc, bảo quản các công trình ghi công liệt sĩ.

Phụ lục I

HẠNG MỤC XÂY MỚI ĐỐI VỚI NGHĨA TRANG LIỆT SĨ GIAI ĐOẠN 2022 – 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Năm	Đơn vị	Hạng mục công trình			Ghi chú
			Tượng đài	Nhà bia (Mỗi nghĩa trang liệt sĩ 02 nhà bia)	Cổng ngõ	
I	2022		04	08	01	
1		Xã Tiên Mỹ, huyện Tiên Phước	x		x	
2		Xã Tiên Châu, huyện Tiên Phước	x			
3		Xã Hiệp Thuận, huyện Hiệp Đức	x	x		
4		Xã Quế Phước, huyện Nông Sơn	x			
5		Xã Đại Chánh, huyện Đại Lộc		x		
6		Xã Quế Phong, huyện Quế Sơn		x		
7		Xã Tam Thái, huyện Phú Ninh		x		
II	2023		0	08	0	
1		Xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên		x		
2		Xã Bình Phú, huyện Thăng Bình		x		
3		Xã Bình Trị, huyện Thăng Bình		x		
4		Xã Sơn Viên, huyện Nông Sơn		x		
III	2024		01	04	01	
1		Xã Điện Phong, thị xã Điện Bàn	x		x	
2		Xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên		x		
3		Xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên		x		
IV	2025		0	0	01	
1		Xã Điện Dương, thị xã Điện Bàn			x	
V	2026		03	12	03	
1		Xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước	x			
2		Xã Tiên Hà, huyện Tiên Phước	x		x	
3		Xã Đại Sơn, huyện Đại Lộc	x			
4		Xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên		x		
5		Xã Duy Thành, huyện Duy Xuyên		x		
6		Xã Quế Mỹ, huyện Quế Sơn		x		
7		Xã Quế Xuân 1, huyện Quế Sơn		x		
8		Xã Tam Lãnh, huyện Phú Ninh		x		
9		Xã Đại Cường, huyện Đại Lộc		x		
10		Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Tam Kỳ			x	
11		Nghĩa trang liệt sĩ huyện Tiên Phước			x	<i>Chỉ xây mới các hạng mục hiện hữu trong khuôn viên nghĩa trang.</i>
Tổng cộng			08	32	06	



Phụ lục II

HẠNG MỤC CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐỐI VỚI NGHĨA TRANG LIỆT SỸ GIAI ĐOẠN 2022-2026 (Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Năm	Đơn vị	Hạng mục công trình							Ghi chú
			Mộ	Tượng đài	Nhà bia	Cổng ngõ	Tường rào	Sân hành lễ	Sân nền, lối đi bộ	
I	2022		5.483	06	02	02	04	11	04	
1		Xã Đại Chánh, huyện Đại Lộc	4	X				X		
2		Xã Bình Triều, huyện Thăng Bình	399	X						
3		Xã Bình Đào, huyện Thăng Bình	236							
4		Xã Bình Quế, huyện Thăng Bình	193					X		
5		Xã Bình Quý, huyện Thăng Bình	178		X	X			X	
6		Xã Bình Chánh, huyện Thăng Bình	100	X				X		
7		Xã Tiên Châu, huyện Tiên Phước	46				X	X		
8		Xã Tiên Hiệp, huyện Tiên Phước	62	X		X	X	X	X	
9		Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Hội An	1.041							
10		Xã Hiệp Thuận, huyện Hiệp Đức	253							
11		Xã Quế Phong, huyện Quế Sơn	556	X				X		
12		Xã Điện Tiến, thị xã Điện Bàn	750	X			X	X		
13		Khu tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ Duy Xuyên	834					X		
14		Xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn	710							
15		Xã Quế Phước, huyện Nông Sơn	121							
16		Xã Quế Thuận, huyện Quế Sơn	0		X			X	X	
17		Xã Tiên Mỹ, huyện Tiên Phước	0				X	X	X	
18		Xã Tam Thái, huyện Phú Ninh	0					X		

II	2023		5.471	02	0	0	03	04	01	
1		Xã Duy Hải, huyện Duy Xuyên	296					X	X	
2		Xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên	665							
3		Xã Bình Minh, huyện Thăng Bình	243					X		
4		Xã Bình Phú, huyện Thăng Bình	449				X	X		
5		Xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên	478				X			
6		Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Hội An	1.400							
7		Nghĩa trang liệt sĩ huyện Nông Sơn	199					X		
8		Xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức	507	X						
9		Xã Đại Thắng, huyện Đại Lộc	1.109				X			
10		Xã Tam Trà, huyện Núi Thành	120							
11		Xã Sơn Viên, huyện Nông Sơn	5							
12		Xã Bình An, huyện Thăng Bình	0	X						
13		Xã Bình Trị, huyện Thăng Bình	0							
III	2024		4.655	03	0	01	05	04	02	
1		Nghĩa trang liệt sĩ huyện Đông Giang	788				X		X	
2		Nghĩa trang liệt sĩ huyện Phước Sơn	0	X			X			
3		Xã Điện Phong, thị xã Điện Bàn	6				X	X	X	
4		Xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành	139					X		
5		Xã Tam Hòa, huyện Núi Thành	369							
6		Xã Điện Quang, thị xã Điện Bàn	599							
7		Xã Điện Trung, thị xã Điện Bàn	358	X			X	X		
8		Xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên	532	X				X		
9		Xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên	1,061							
10		Xã Tam Mỹ Tây, huyện Núi Thành	411				X			

11		Xã Tam Sơn, huyện Núi Thành	332			X				
12		Xã Tam Tiến, huyện Núi Thành	60							
IV	2025		4.826	0	01	0	02	03	01	
1		Phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn	899				X	X		
2		Xã Quế Long, huyện Quế Sơn	933		X			X		
3		Xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn	1.182							
4		Phường Điện Nam Trung, thị xã Điện Bàn	1.344				X		X	
5		Xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành	468					X		
V	2026		0	05	0	01	10	14	03	
1		Xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên								
2		Xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên		X						
3		Xã Duy Thành, huyện Duy Xuyên						X		
4		Xã Quế Minh, huyện Quế Sơn						X		
5		Nghĩa trang liệt sĩ Thành phố Tam Kỳ								
6		Xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước					X			
7		Xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước						X		
8		Xã Tiên Hà, huyện Tiên Phước					X	X		
9		Xã Tiên Lộc, huyện Tiên Phước		X			X			
10		Xã Tiên Cẩm, huyện Tiên Phước					X	X	X	
11		Xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước					X	X		
12		Xã Tiên Lập, huyện Tiên Phước		X				X		
13		Xã Quế Mỹ, huyện Quế Sơn						X		
14		Xã Quế Xuân 1, huyện Quế Sơn						X		

15	Xã Tam Lãnh, huyện Phú Ninh		X			X			
16	Xã Tam Phước, huyện Phú Ninh		X			X			
17	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Phú Ninh							X	
18	Xã Đại Minh, huyện Đại Lộc					X			
19	Xã Đại Hòa, huyện Đại Lộc					X			
20	Xã Đại Tân, huyện Đại Lộc						X		
21	Xã Đại Sơn, huyện Đại Lộc						X		
22	Xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc						X		
23	Xã Đại Cường, huyện Đại Lộc						X		
24	Xã Tam Thạnh, huyện Núi Thành				X				
25	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Tiên Phước					X		X	<i>Chỉ cải tạo, nâng cấp các hạng mục hiện hữu trong khuôn viên nghĩa trang.</i>
26	Xã Tam Xuân , huyện Núi Thành						X		
Tổng cộng		20.435	16	03	04	24	36	11	

Phụ lục III



**HẠNG MỤC XÂY MỚI; CẢI TẠO, NÂNG CẤP NHÀ BIA GHI TÊN LIỆT SĨ
NGOÀI NGHĨA TRANG LIỆT SĨ GIAI ĐOẠN 2022 - 2026**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Năm	Đơn vị	Hạng mục công trình					Ghi chú
			Nhà bia ghi tên liệt sĩ	Cổng ngõ	Tường rào	Sân hành lễ	Sân nền, lối đi bộ	
A		Xây mới	01	01	01	01	01	
I	2026							
1		Xã Điện Thắng Trung, thị xã Điện Bàn	X	X	X	X	X	
B		Cải tạo, nâng cấp	0	02	05	08	04	
I	2022							
1		Huyện Tây Giang		X	X	X	X	Đài tưởng niệm
II	2023							
1		Xã Tam Vinh, huyện Phú Ninh			X	X		
2		Xã Tam Đại, huyện Phú Ninh			X	X		
III	2024							
1		Xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn				X	X	
2		Xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn				X		
3		Xã Điện Hòa, thị xã Điện Bàn				X		
IV	2025							
1		Xã Trà Đông, huyện Bắc Trà My				X	X	
2		Thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn		X	X	X		
V	2026							
1		Đèo Bà Đốc, huyện Bắc Trà My					X	
2		Xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn			X			
		Tổng cộng (A+B)	01	03	06	09	05	



Phụ lục IV

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2022 - 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: đồng

TT	Năm	Tổng kinh phí	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	
1	2022	45.840.960.000	43.801.260.000	2.039.700.000	
2	2023	47.246.640.000	45.650.640.000	1.596.000.000	
3	2024	43.100.470.000	40.024.716.000	3.075.754.000	
4	2025	38.010.406.000	33.469.859.000	4.540.547.000	
5	2026	29.747.580.000	29.396.483.000	351.097.000	
Tổng cộng		203.946.056.000	192.342.958.000	11.603.098.000	